

Số: 803 /QĐ-ĐHSPKTND

Nam Định, ngày 05 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh liên thông
giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 06/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông;

Căn cứ thông tư số 04/2018/TT- BGDĐT ngày 28/02/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT- BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 07/2018/TT- BGDĐT ngày 01/3/2018 về sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT- BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Công tác học sinh - Sinh viên, Trưởng các khoa, Bộ môn trực thuộc và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- Website;
- Lưu: VT, ĐT.



TS. Trần Văn Khiêm

QUY CHẾ

**Tuyển sinh liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
với trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 803/QĐ-ĐHSPKTND ngày 03 tháng 10 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định (sau đây gọi tắt là Trường hoặc Nhà trường) trong việc thực hiện tuyển sinh liên thông giữa trình độ trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp (gọi chung là trung cấp); trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề (gọi chung là cao đẳng) với trình độ đại học (LTĐH).

2. Quy chế này quy định về tuyển sinh LTĐH, bao gồm: Tổ chức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, hoạt động thanh tra công tác tuyển sinh, điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh, thủ tục đăng ký xét tuyển, hình thức xét tuyển; tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường trong công tác tuyển sinh; xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển; xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh LTĐH và chế độ báo cáo, lưu trữ; khen thưởng và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo trong tuyển sinh.

Điều 2. Tổ chức tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT.
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia.

2. Hằng năm, Nhà trường đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh LTĐH với Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và tổ chức xét tuyển nhiều đợt trong năm. Nhà trường thông báo cụ thể thời gian xét tuyển theo phương thức 1, thời gian xét tuyển theo phương thức 2 thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT.



Điều 3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh LTĐH thuộc tổng chỉ tiêu được xác định hằng năm theo từng ngành đào tạo của Nhà trường, trong đó chỉ tiêu tuyển sinh LTĐH không vượt quá 20% chỉ tiêu theo quy định hiện hành.

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh LTĐH, Nhà trường dành 90% chỉ tiêu LTĐH cho xét tuyển theo phương thức 1, 10% chỉ tiêu LTĐH cho xét tuyển theo phương thức 2.

Tùy theo điều kiện cụ thể, Nhà trường có thể điều chỉnh chỉ tiêu dành cho phương thức 1 và 2 cho phù hợp với tình hình tuyển sinh thực tế.

Điều 4. Hoạt động thanh tra công tác tuyển sinh

1. Hoạt động thanh tra tuyển sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

2. Hiệu trưởng Nhà trường tổ chức thanh tra công tác tuyển sinh theo quy định.

3. Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) xét tuyển vào Trường không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của Trường trong năm đó.

Điều 5. Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh

1. Đã tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp. Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ GDĐT hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH).

Thí sinh phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

2. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

3. Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay trong năm đó, không được bảo lưu sang năm sau.

4. Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí (nếu có) theo quy định.

Điều 6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m Khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ.

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ

lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên.

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh” mà người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh” bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động.

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến.

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d Khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học.

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ ở ngành, nghề đăng ký xét tuyển vào cao đẳng là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày đăng ký xét tuyển.

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01.

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%.

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế có giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ

Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ được Bộ LĐTBXH xem xét, quyết định.

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Chính sách tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

b) Người đã trúng tuyển LTĐH vào Trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được Nhà trường xem xét nhận vào học.

c) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế và có đủ điều kiện quy định tại Điều 5 của Quy chế này được tuyển thẳng vào LTĐH.

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc

gia và có đủ điều kiện quy định tại Điều 5 của Quy chế này được tuyển thẳng vào LTĐH.

đ) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định và có đủ điều kiện quy định tại Điều 5 của Quy chế này: Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học.

e) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học LTĐH tại Trường và có đủ điều kiện quy định tại Điều 5 của Quy chế này: Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định của Trường để xem xét, quyết định cho vào học.

g) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc thiểu số tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc thiểu số theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Các thí sinh này có đủ điều kiện quy định tại Điều 5 của Quy chế này được tuyển thẳng vào LTĐH.

h) Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế và có đủ điều kiện quy định tại Điều 5 của Quy chế này được tuyển thẳng vào LTĐH.

3. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học THPT (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực

có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên ở khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh.

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.
- Học sinh các trường, lớp dự bị.
- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc UBND cấp tỉnh.
- Học sinh có hộ khẩu thường trú tại (trong thời gian học trung học) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135; các thôn, xã khó khăn, đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học THPT tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm:

Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT hoặc trung cấp của thí sinh; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

- Khu vực 3 (KV3) gồm: các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

5. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

Điều 7. Đăng ký xét tuyển (ĐKXT) và hình thức ĐKXT

1. Hồ sơ ĐKXT

a) 01 túi hồ sơ và 01 phiếu ĐKXT (theo mẫu của Nhà trường).

b) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định.

c) Bản sao hợp lệ học bạ THPT.

d) Bản sao hợp lệ bảng điểm, bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc cao đẳng nghề hoặc trung cấp.

đ) 01 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ báo tin của thí sinh.

e) Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có).

g) Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia (đối với xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia).

h) Lệ phí ĐKXT (nếu có).

2. Hình thức ĐKXT

Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT và lệ phí (nếu có) qua đường bưu điện (chuyển phát nhanh hoặc chuyển phát ưu tiên) hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo Nhà trường.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

Điều 8. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Tuyển sinh (HĐTS)

1. Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh (sau đây gọi tắt là HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo (hoặc Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng);

d) Các ủy viên: Một số Trưởng phòng, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn và một số cán bộ công nghệ thông tin do Hiệu trưởng quyết định.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) xét tuyển vào trường không được tham gia HĐTS của trường và các ban giúp việc HĐTS trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn.

b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.

c) Thu và sử dụng lệ phí xét tuyển (nếu có) theo quy định.

d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

đ) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh LTĐH của Trường.

b) Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường.

c) Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS để triển khai công tác tuyển sinh.

5. Phó Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

Điều 9. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm có:

a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm.

b) Các uỷ viên: Một số cán bộ Phòng Đào tạo hoặc Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, các khoa, phòng và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS

a) Tổ chức nhận hồ sơ và lệ phí ĐKXT (nếu có).

c) Cập nhật và công bố công khai thông tin đăng ký xét tuyển của thí sinh theo quy định.

d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định.

đ) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

e) In và gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển.

g) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Điều 12, 13 của Quy chế này.

h) Quản lý hồ sơ, giấy tờ, biên bản liên quan đến xét tuyển.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Chương III

XÉT TUYỂN VÀ TRIỆU TẬP THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

Điều 10. Tổ hợp các môn xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

1. Tổ hợp các môn xét tuyển theo ngành đào tạo

TT	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Kế toán	7340301	Toán, Vật lí, Hóa học; Toán, Vật lí, Tiếng Anh;
2	Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp
3	Công nghệ thông tin	7480201	Toán, Vật lí, Hóa học; Toán, Vật lí, Tiếng Anh;
4	Khoa học máy tính	7480101	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, Hóa học, Tiếng Anh
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Toán, Vật lí, Hóa học; Toán, Vật lí, Tiếng Anh; Toán, Hóa học, Tiếng Anh; Toán, Hóa học, Sinh học
6	Công nghệ chế tạo máy	7510202	
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	
9	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	

2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tối thiểu

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT: Tổng điểm trung bình cả năm (lớp 12) của các môn học trong tổ hợp các môn thí sinh đăng ký dùng để xét tuyển đạt từ 15,0 điểm trở lên.

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia: Căn cứ vào kết quả thi hằng năm và theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Nhà trường xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu để xây dựng phương án xét tuyển.

Điều 11. Tổ chức xét tuyển

1. Đối với Nhà trường

a) Tiêu chí xét tuyển

Dựa vào Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{TĐ} + \text{ĐUT}$$

Trong đó: TĐ là tổng các điểm trung bình cả năm (lớp 12) của các môn học trong tổ hợp các môn thí sinh đăng ký dùng để xét tuyển (xét tuyển theo PT1) hoặc là tổng điểm các bài thi/môn thi của tổ hợp dùng để xét tuyển (xét tuyển theo PT2). ĐUT là điểm ưu tiên khu vực và đối tượng được quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

b) Nguyên tắc xét tuyển

- Căn cứ vào ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, xét tuyển chung cho các ngành, nghề theo ĐXT của thí sinh từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu. Xét đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều thí sinh cùng ĐXT thì lấy điểm so sánh là điểm môn toán. Thí sinh nào có điểm so sánh lớn hơn thì được ưu tiên trúng tuyển.

- Nhà trường tổ chức xét tuyển nhiều đợt trong năm đến khi đủ chỉ tiêu.

c) Xác định điểm trúng tuyển

- Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh đã xác định, sau khi trừ số thí sinh được tuyển thẳng, cử tuyển (nếu có); căn cứ vào thống kê kết quả xét tuyển; căn cứ vào quy định về khung điểm ưu tiên; Ban Thư ký trình HĐTS một số phương án trúng tuyển; HĐTS tổ chức họp xét, thống nhất đề nghị Chủ tịch HĐTS Trường xem xét quyết định phương án trúng tuyển.

- Nhà trường có thể xây dựng phương án điểm trúng tuyển chung cho toàn Trường hoặc cho từng ngành của Trường.

2. Đối với thí sinh

a) Khai chính xác, nộp đủ hồ sơ và lệ phí tuyển sinh (nếu có) về Trường trong thời gian quy định của Trường, đồng thời có mặt đúng thời gian quy định tại Trường khi có yêu cầu.

b) Thí sinh phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin ĐKXT. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT với hồ sơ gốc.

c) Có trách nhiệm phát hiện, tố giác những hiện tượng vi phạm Quy chế tuyển sinh để HĐTS xử lý kịp thời.

Điều 12. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS Trường trực tiếp xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển do Ban Thư ký trình và ký giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển tới nhập học. Trong giấy triệu tập cần ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh và những điều kiện cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

2. Trường tổ chức kiểm tra sức khỏe cho thí sinh mới nhập học theo hướng dẫn của liên Bộ Y tế và Bộ GDĐT.

3. Thí sinh trúng tuyển vào Trường phải nộp những giấy tờ sau đây:

a) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy công nhận hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định đối với người tốt nghiệp cao đẳng nghề, trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT.

b) Bản sao hợp lệ học bạ THPT.

c) Bằng tốt nghiệp, bằng điểm cao đẳng hoặc cao đẳng nghề hoặc trung cấp.

d) Bản sao hợp lệ Giấy khai sinh.

đ) Bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.

e) Bản sao hợp lệ các giấy tờ minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

f) Giấy triệu tập trúng tuyển.

g) Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự do Ban chỉ huy quân sự (BCHQS) cấp huyện cấp và Giấy xác nhận đăng ký vắng mặt do BCHQS cấp xã nơi cư trú cấp theo quy định hiện hành (đối với nam có độ tuổi từ 18 đến 25).

Các giấy tờ quy định này được Trường dùng để quản lý và kiểm tra, đối chiếu với bản chính khi cần thiết.

4. Những thí sinh đến nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày nhập học ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như bỏ học.

b) Nếu đến chậm do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện trở lên thì Trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết



quả tuyển sinh để thí sinh vào học khóa học kế tiếp sau.

Điều 13. Kiểm tra kết quả xét tuyển và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Khi thí sinh đến nhập học, Nhà trường tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Quy chế này.

2. Trong quá trình sinh viên đang theo học nếu có khiếu nại, tố cáo, Nhà trường phải thanh, kiểm tra hồ sơ và kết quả xét tuyển của thí sinh theo quy định.

Điều 14. Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong công tác tuyển sinh

1. Nhà trường bố trí đủ cơ sở vật chất, thiết bị và cử cán bộ đủ trình độ làm chuyên trách công nghệ thông tin để thực hiện các công việc sau:

- a) Lập địa chỉ e-mail chính thức sử dụng trong công tác tuyển sinh;
- b) Nhập dữ liệu từ hồ sơ ĐKXT của thí sinh.
- c) Khai thác, xử lý thông tin; cập nhật dữ liệu... theo đúng cấu trúc, quy trình, thời hạn lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT;
- d) In Giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển;
- đ) Công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên Website của Trường (<http://www.nute.edu.vn>) và phương tiện thông tin đại chúng.
- e) Thực hiện các quy định tại Điều 11 của Quy chế này và các quy định khác về tuyển sinh.

2. Người nhập dữ liệu lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức 2) có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin đã nhập với thông tin liên quan trong hồ sơ thí sinh và thông tin trên cơ sở dữ liệu thi THPT quốc gia; ký biên bản xác nhận và chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra.

Chương IV

XỬ LÝ THÔNG TIN PHẢN ÁNH VI PHẠM QUY CHẾ TUYỂN SINH LTĐH VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LƯU TRỮ

Điều 15. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh LTĐH

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh LTĐH:

- a) HĐTS Nhà trường;
- b) Thanh tra tuyển sinh Nhà trường và Thanh tra giáo dục các cấp.

2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh LTĐH sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh LTĐH:

a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh LTĐH cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh LTĐH phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh LTĐH:

a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh LTĐH theo thông tin đã được cung cấp;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh LTĐH;

d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 16. Chế độ báo cáo

Nhà trường báo cáo Bộ GDĐT:

1. Kết quả tuyển sinh của năm trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.
2. Thông tin về tuyển sinh của trường theo quy định hoặc theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

Điều 17. Chế độ lưu trữ

Tất cả các tài liệu liên quan đến tuyển sinh LTĐH, Nhà trường phải bảo quản và lưu trữ trong suốt khoá đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ, Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ GDĐT quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO

Điều 18. Khen thưởng

Chủ tịch HĐTS khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng:

1. Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
2. Những người có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

Điều 19. Giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh

1. Trong thời gian tuyển sinh, HĐTS Nhà trường tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Kết thúc tuyển sinh, Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.

3. Người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 20. Xử lý cán bộ tuyển sinh vi phạm quy chế

Người tham gia công tác tuyển sinh là công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy chế, nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị Nhà trường xử lý theo quy định của Luật viên chức, Luật cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 21. Xử lý thí sinh ĐKXT vi phạm quy chế

1. Từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học đối với những thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây:

a) Giả mạo hồ sơ để hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích.

b) Gian dối trong việc sửa chữa học bạ THPT hoặc kết quả học tập cao đẳng nghề, trung cấp.



c) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

d) Có bằng chứng về vi phạm quy chế tuyển sinh mà không thực hiện đúng quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 15 Quy chế này.

2. Đối với các hành vi vi phạm có dấu hiệu hình sự thì Trường lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định; đối với các trường hợp vi phạm khác, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ xử lý kỷ luật theo các hình thức đã quy định tại Điều này.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm